

Số: 27/KL-TT

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 9 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA

Trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; công tác quản lý, sử dụng kinh phí và đầu tư xây dựng tại Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh

Thực hiện Quyết định số 82/QĐ-TT ngày 23/6/2021 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; công tác quản lý, sử dụng kinh phí và đầu tư xây dựng tại Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh; từ ngày 05/7 đến ngày 23/8/2021, Đoàn thanh tra đã yêu cầu Sở và các phòng, đơn vị trực thuộc⁽¹⁾ báo cáo, đồng thời trực tiếp làm việc và kiểm tra các hồ sơ tài liệu liên quan.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-ĐTT ngày 16/9/2021 của Trưởng Đoàn thanh tra (kèm theo các hồ sơ, tài liệu liên quan và giải trình của đối tượng thanh tra), Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý

Sở Giao thông vận tải là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh⁽²⁾, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về: Đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị; vận tải; an toàn giao thông; quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị gồm: Cầu đường bộ, cầu vượt, hệ phố, đường phố, dải phân cách, hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu điều khiển giao thông, hầm dành cho người đi bộ, hầm cơ giới đường bộ, cầu dành cho người đi bộ, bến xe, bãi đỗ xe trên địa bàn.

Cơ cấu tổ chức của Sở gồm 06 phòng chuyên môn⁽³⁾ và 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc⁽⁴⁾. Hiện nay, Sở đang tham mưu phương án kiện toàn Ban Quản lý bến xe khách Hà Tĩnh. Tại thời điểm thanh tra, tổng số cán bộ, công chức, viên chức của Văn phòng sở, các phòng ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc là 51 CBCC, VC⁽⁵⁾ và 49 lao động hợp đồng⁽⁶⁾.

Hai đơn vị sự nghiệp thuộc Sở đều tự chủ về tài chính, năm 2021 được UBND tỉnh giao 09 biên chế sự nghiệp nhưng không hưởng lương từ ngân sách (Trung tâm tư vấn KTGT: 09; Ban Quản lý bến xe khách: 0). Hiện tại, số lượng

¹ Văn phòng sở; Thanh tra sở; Phòng Kế hoạch-Tài chính; Trung tâm Tư vấn kỹ thuật giao thông Hà Tĩnh.

² UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tại Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 27/11/2018.

³ Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Kế hoạch-Tài chính; Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng và an toàn giao thông; Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái; Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông

⁴ Trung tâm Tư vấn kỹ thuật giao thông Hà Tĩnh; Ban Quản lý bến xe khách Hà Tĩnh

⁵ CBCCVC: 49; HĐ 68: 02

⁶ Văn phòng Sở: 05; Trung tâm TVKTGT: 24; Ban QL BX: 20

viên chức tự chủ và lao động hợp đồng tại Trung tâm Tư vấn KTGT là 27 người (Viên chức: 03; LĐHĐ: 24), tại Ban Quản lý bến xe khách là 20 người (LĐHĐ). Trung tâm Tư vấn KTGT thiếu 06 biên chế, đang trình UBND tỉnh duyệt kế hoạch tuyển dụng.

II. Phạm vi thanh tra

Theo Đề cương, kế hoạch tiến hành thanh tra được phê duyệt và trên cơ sở các báo cáo, đề xuất của Sở Giao thông vận tải, các văn bản, kết luận, biên bản thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng có thẩm quyền (Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng), Đoàn thanh tra chỉ tiến hành thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng năm 2019, 2020 và thanh tra việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí và đầu tư xây dựng các năm 2018, 2019 và 2020 tại Văn phòng sở và một số đơn vị trực thuộc.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. KẾT QUẢ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KNTC; PCTN

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai các văn bản pháp luật về thanh tra, KNTC và PCTN

Sở đã ban hành tương đối đầy đủ và triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo, triển khai về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC, PCTN⁽⁷⁾.

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật thanh tra, tiếp công dân, KNTC và PCTN đã được Sở quan tâm chỉ đạo, thực hiện lồng ghép trong các hội nghị triển khai, tổng kết công tác PCTN.

Sở đã chấp hành tốt chế độ báo cáo về công tác thanh tra, giải quyết KNTC, PCTN và các báo cáo đều có phụ lục theo quy định. Tuy vậy, qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu vẫn còn một số tồn tại, hạn chế (Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).

2. Về công tác thanh tra

⁷ Cụ thể: Năm 2019: Quyết định số 3577/QĐ-SGTVT ngày 14/12/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2019; Quyết định số 268/QĐ-SGTVT ngày 28/01/2019 về việc bố trí cán bộ, công chức làm TCD; Kế hoạch số 258/KH-SGTVT-VP ngày 28/01/2019 về Chuyển đổi vị trí công tác và luân chuyển cán bộ năm 2019; Kế hoạch số 151/KH-SGTVT-TTr ngày 15/01/2019 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019; Chương trình 14-CTr/ĐU ngày 07/3/2019 về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí năm 2019; Kế hoạch số 20-KH/ĐU ngày 08/5/2019 của Đảng ủy Sở GTVT thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực; Kế hoạch số 3090/KH-SGTVT ngày 09/10/2019 về Thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TTg ngày 22/4/2019 của TTCP về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Kế hoạch số 3096/KH-SGTVT ngày 10/10/2019 về tổ chức tiếp công dân phục vụ ĐH ĐB các cấp và ĐH toàn quốc lần thứ XIII của Đảng theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 20/8/2019. Năm 2020: Quyết định số 3753/QĐ-SGTVT ngày 13/12/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2020; Quyết định số 83/QĐ-SGTVT ngày 09/01/2020 thành lập Tổ thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý ĐTKN, KNPA và công tác PCTN tại Sở GTVT; Kế hoạch số 222/KH-SGTVT-TTr ngày 31/01/2020 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020; Kế hoạch số 760/KH-SGTVT-VP ngày 23/3/2020 về Chuyển đổi vị trí công tác và luân chuyển cán bộ năm 2020; Chương trình số 24-CT/ĐU ngày 05/3/2020 của Đảng ủy Sở GTVT công tác trọng tâm nội chính, cải cách tư pháp và PCTN năm 2020

Sở đã ban hành kế hoạch thanh tra hằng năm đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-TTCT ngày 23/4/2014 của Thanh tra Chính phủ; trước khi ban hành kế hoạch thanh tra đã gửi văn bản xin ý kiến của Thanh tra tỉnh để góp ý bổ sung, hoàn chỉnh, tránh chồng chéo; quá trình thực hiện đã có điều chỉnh kế hoạch thanh tra theo quy định⁽⁸⁾.

Biên chế Thanh tra sở được UBND tỉnh giao theo kế hoạch hằng năm trong tổng biên chế của Sở. Hiện tại, Thanh tra sở có 16 CBCC (03 lãnh đạo, 12 TTV, 01 CCTT) và 04 lao động hợp đồng. Trong kỳ thanh tra, CBCC Thanh tra sở không có biến động tăng giảm (chỉ thực hiện luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với một số vị trí). Thanh tra sở được bố trí phòng làm việc đáp ứng yêu cầu và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất tại Sở.

Trong kỳ Thanh tra sở đã tiến hành 16 cuộc thanh tra, kiểm tra. Qua công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và thường xuyên, Thanh tra sở đã xử lý vi phạm hành chính 2.062 trường hợp, với số tiền 7.609,270 trđ⁽⁹⁾. Đến thời điểm thanh tra (ngày 16/7/2021) có 1950/2062 trường hợp đã chấp hành quyết định xử phạt nộp số tiền 7.195,92trđ/7.609,27trđ (đạt tỷ lệ 94,56%), còn 112 trường hợp chưa chấp hành quyết định xử phạt với số tiền 413,35 trđ. Các kết luận thanh tra được Sở thực hiện công khai tại buổi công bố kết luận thanh tra cho các đối tượng biết và niêm yết trên Cổng Thông tin điện tử của Sở.

Qua kiểm tra xác suất một số đoàn thanh tra và biên bản xử phạt vi phạm hành chính, Đoàn thanh tra nhận thấy vẫn còn một vài nội dung chưa đảm bảo; trong kỳ, có 02 đoàn thanh tra thực hiện và ban hành kết luận thanh tra tại Sở, qua kiểm tra vẫn còn tồn tại 01 nội dung đã được Đoàn thanh tra công vụ của tỉnh yêu cầu khắc phục nhưng Sở chưa thực hiện (chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).

3. Về công tác tiếp dân, xử lý đơn thư

Sở đã ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc tiếp công dân theo quy định. Việc tiếp dân được thực hiện nghiêm túc; có bố trí địa điểm tiếp dân, niêm yết đầy đủ Nội quy tiếp công dân, các quy trình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; hồ sơ lưu đầy đủ, khoa học; lãnh đạo tiếp dân định kỳ vào ngày 10 hằng tháng, kết quả tiếp dân được theo dõi qua Sở tiếp công dân.

Trong kỳ thanh tra, Sở đã tiếp 05 lượt công dân (định kỳ: 0; thường xuyên: 05), trong đó năm 2019: 05 lượt người đến tiếp dân thường xuyên; năm 2020 không phát sinh lượt tiếp nào. Sau khi tiếp dân, cán bộ tiếp dân đã nhận đơn và xử lý theo quy định.

⁸ Năm 2019: Kế hoạch thanh tra ban hành kèm theo Quyết định 3577/QĐ-SGTVT ngày 14/12/2018 (Thanh tra Hành chính: 03; Thanh tra chuyên ngành: 04 nội dung/13 cuộc/27 đơn vị, đối tượng); điều chỉnh tại Quyết định số 2547/QĐ-SGTVT-TTtr ngày 21/8/2019 (Thanh tra Hành chính: 0; Thanh tra chuyên ngành: bổ sung 01 nội dung/08 đơn vị kinh doanh vận tải) và Quyết định số 3697/QĐ-SGTVT-TTtr ngày 09/12/2019 (Thanh tra hành chính: 03; thanh tra chuyên ngành: 03 nội dung/09 đơn vị, đối tượng).

Năm 2020: Kế hoạch thanh tra ban hành kèm theo Quyết định 3753/QĐ-SGTVT ngày 13/12/2019 (Thanh tra Hành chính: 01; Thanh tra chuyên ngành: 05 nội dung/11 cuộc/34 đơn vị, đối tượng); điều chỉnh tại Quyết định số 3176/QĐ-SGTVT-TTtr ngày 15/9/2020 (Thanh tra Hành chính: 0; Thanh tra chuyên ngành: điều chỉnh chuyên 02 nội dung/20 đơn vị, đối tượng sang KH năm 2021).

⁹ Năm 2019: 1.157 trường hợp vi phạm, xử phạt với số tiền 4.359.870.000 đồng; tức có thời hạn 127 GPLX, CCCM; Năm 2020: 905 trường hợp vi phạm; xử phạt với số tiền 3.249.400.000 đồng; tức có thời hạn 97 Giấy phép lái xe, phù hiệu, Giấy kiểm định theo quy định

Trong kỳ thanh tra, Sở tiếp nhận và xử lý 10 đơn thư; đủ điều kiện xử lý: 09 đơn (KN; 0; TC: 0; KNPA: 09). Đối với đơn đủ điều kiện xử lý và thuộc thẩm quyền, Sở đã tiến hành xác minh, thu thập hồ sơ và ban hành văn bản trả lời. Hiện nay, các vụ việc đã được xử lý xong, không có vụ việc tồn đọng. Kết quả giải quyết theo văn bản giao của UBND tỉnh đảm bảo 100% đúng hạn.

4. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

Hồ sơ xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, phản ánh được lưu lập đầy đủ, khoa học. Trình tự thủ tục xử lý, giải quyết thực hiện cơ bản theo đúng quy định.

Giám đốc Sở trực tiếp phụ trách, chỉ đạo công tác xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Chỉ đạo Thanh tra sở giải quyết kịp thời, đúng thẩm quyền các vụ việc phát sinh. Sở chấp hành nghiêm túc việc công khai các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận tố cáo; thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ người tố cáo. Tại sở không có vụ việc đông người, tồn đọng, phức tạp.

5. Kiểm tra việc thực hiện pháp Luật Phòng, chống tham nhũng

Sở đã triển khai kịp thời các văn bản, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh về công tác PCTN. Căn cứ quyết định phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở đã lập kế hoạch dự kiến phân bổ dự toán thu chi cho các đơn vị trực thuộc trình Sở Tài chính thẩm định. Sau khi Sở Tài chính thống nhất phương án phân bổ, Giám đốc sở ban hành quyết định phân bổ dự toán thu chi cho các đơn vị trực thuộc.

Tại hội nghị CBCC hằng năm, đơn vị thực hiện báo cáo công khai tài chính; đồng thời Văn phòng sở và Thanh tra sở đã ban hành các quyết định công khai dự toán, quyết toán và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trong kỳ thanh tra, Sở đã chấp hành tốt các quy định của Luật Phòng chống tham nhũng và các Nghị định hướng dẫn thi hành. Qua công tác thanh tra, tự kiểm tra, Sở không phát hiện và xử lý các trường hợp nào liên quan đến tham nhũng và không tiếp nhận đơn tố cáo nào có nội dung tham nhũng.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

1. Công tác quản lý, sử dụng kinh phí

1.1. Tại Văn phòng sở

Số liệu dự toán và quyết toán nguồn kinh phí năm 2018, 2019, 2020 tại Văn phòng sở như sau:

ĐVT: Đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		403.135.000	361.134.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		403.135.000	361.134.000
2	Dự toán được giao trong năm	11.327.644.000	10.194.885.232	15.043.111.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.624.000.000	4.894.885.232	4.591.400.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	6.703.644.000	5.300.000.000	10.451.711.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm	11.327.644.000	10.598.020.232	15.404.245.000

	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.624.000.000	4.894.885.232	4.591.400.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	6.703.644.000	5.703.135.000	10.812.845.000
4	Kinh phí thực nhận trong năm	10.924.509.000	10.117.009.532	14.115.737.075
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.624.000.000	4.894.885.232	4.591.400.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	6.300.509.000	5.222.124.300	9.524.337.075
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	10.924.509.000	10.117.009.532	14.115.737.075
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.624.000.000	4.894.885.232	4.591.400.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	6.300.509.000	5.222.124.300	9.524.337.075
6	Kinh phí giảm trong năm		119.876.700	97.016.900
	- Dự toán bị huỷ		119.876.700	97.016.900
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	403.135.000	361.134.000	1.191.491.025

Văn phòng sở áp dụng cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP. Đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở định mức và chế độ Nhà nước quy định.

Quy chế chi tiêu nội bộ đã quy định chi tiết các khoản chi, định mức, tiêu chuẩn cụ thể bám sát với các hoạt động của đơn vị. Tuy vậy, tại Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018 có một vài nội dung không phù hợp⁽¹⁰⁾.

- Sổ sách, chứng từ kế toán được lập và lưu trữ tương đối đầy đủ và đã lập Báo cáo quyết toán theo quy định. Tuy vậy, vẫn còn một số tồn tại, cụ thể:

+ Năm 2019, thực hiện bút toán kết chuyển vào cuối tháng chưa đúng hướng dẫn tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

+ Công tác lập báo cáo quyết toán, xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán năm 2018 chậm so với quy định.

a) Cháp hành dự toán

* Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp

- Đơn vị đã trích lập Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng từ trước năm 2018 vẫn còn dư và được sử dụng sang các năm 2018 - 2020. Văn phòng sở được giao tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP nên việc trích lập Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng từ nguồn tiết kiệm chi là chưa đảm bảo quy định. Năm 2018 đến năm 2020 đơn vị không thực hiện trích lập hai quỹ trên mà sử dụng số dư tồn quỹ từ năm 2017 chuyển sang.

- Văn phòng sở chi một số khoản chi hoạt động từ tiền mặt có tại quỹ mà không kiểm soát chi qua kho bạc chưa đúng quy định.

- Phiếu chi được lập còn một số phiếu không phù hợp về ngày tháng và số chứng từ ban hành.

- Một số chứng từ, hồ sơ thanh toán chưa đảm bảo theo quy định: Thanh toán

¹⁰ không quy định nội dung về việc hỗ trợ CBCC chi phí học tập (nhưng vẫn thấy chi nội dung này); tại điểm d khoản 5 Điều 13 của QCCTNB “khoản tiền đi lại nội thành 300.000 đồng/người/ngày từ bến xe đến địa điểm công tác và ngược lại”

đi công tác không có Quyết định cử đi công tác ...

- Năm 2019, chi tiền từ Quỹ phúc lợi để tiếp khách không đúng quy định số tiền **57.619.000 đồng**. Yêu cầu bố trí nguồn hoàn trả Quỹ phúc lợi.

* Nguồn thu phí, lệ phí và các hoạt động khác

- Kinh phí từ nguồn thu phí để lại (sau khi đã trừ các chi phí phục vụ cho hoạt động thu các loại phí này) năm 2018 là 1.639.499.600 đồng; năm 2019 là 2.389.297.300 đồng; năm 2020 là 925.343.950 đồng. Đơn vị đã tự sử dụng nguồn này để chi trả thu nhập tăng thêm, trích lập nguồn cải cách tiền lương, trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

- Các khoản thu phí và lệ phí do Văn phòng sở thực hiện tại Trung tâm hành chính công tỉnh theo biên lai ấn chỉ, Văn phòng báo cáo quyết toán với Cục Thuế tỉnh. Các khoản thu phí thẩm tra, thẩm định sử dụng biên lai thu phí không mệnh giá, được chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt.

- Năm 2019, Văn phòng sở đã mở TK 3591.0.1049675 để quản lý tiền tạm thu phí, lệ phí; TK 3712.0.1049675 quản lý tiền phí được khấu trừ, để lại. Số dư quỹ tiền mặt tại đơn vị lớn, việc trích nộp số phí, lệ phí thu bằng tiền mặt vào Tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước chưa được thực hiện kịp thời. Phiếu chi nộp tiền vào TKTG được lập không đúng thời điểm với nghiệp vụ phát sinh. Chi trả tiền cho các cơ sở sát hạch lái xe bằng tiền mặt không đúng quy định. Một số phiếu thu người nộp tiền và thủ quỹ chưa ký.

- Phân bổ sung nguồn kinh phí được để lại đơn vị đã trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định. Số dư nguồn cải cách tiền lương tại Sở tương đối lớn⁽¹¹⁾.

- Đối với nội dung thu phí thẩm định các dự án đầu tư xây dựng: Khi chủ đầu tư nộp hồ sơ, Sở đã tạm thu phí thẩm định bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (qua Tài khoản 3751.0.9091380), đến khi hoàn thành việc thẩm định Sở có thông báo thu phí, chủ đầu tư thanh toán phí thẩm định bằng chuyển khoản vào TKTG của Sở và được trả lại tiền đã tạm thu bằng tiền mặt. Tuy vậy, việc thu tiền tạm thu bằng tiền mặt nhưng Sở chưa thực hiện nộp kịp thời vào Tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước là chưa đảm bảo quy định.

b) Quyết toán thuế TNCN

Hằng năm, Văn phòng sở đã thực hiện quyết toán thuế TNCN cho cán bộ, công chức theo quy định. Năm 2019, tính thiếu thuế TNCN phải nộp của 07 cá nhân với số tiền là **7.243.613 đồng**.

1.2. Tại Thanh tra sở

Thanh tra sở là đơn vị dự toán trực thuộc Sở, có con dấu và tài khoản riêng; hằng năm được cấp kinh phí hoạt động riêng từ nguồn Ngân sách Nhà nước, bao gồm cả kinh phí hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng xe liên ngành của tỉnh.

Thanh tra sở áp dụng cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi,

¹¹ Số dư tại 31/12/2020 là **1.874.316.337 đồng**

bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP. Đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở định mức và chế độ Nhà nước quy định.

Số liệu báo cáo kết quả hoạt động của các năm 2018, 2019, 2020 như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp			
1	Doanh thu	5.053.366.568	4.904.941.178	4.938.885.291
	a. Từ NSNN cấp	5.053.366.568	4.904.941.178	4.938.885.291
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại			
2	Chi phí	4.528.364.568	4.301.007.278	4.441.824.491
	a. Chi phí hoạt động	4.528.364.568	4.301.007.278	4.441.824.491
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài			
	c. Chi phí hoạt động thu phí			
3	Thặng dư/thâm hụt	525.002.000	603.933.900	497.060.800
II	Hoạt động sản xuất KD, dịch vụ			
III	Hoạt động tài chính			
IV	Hoạt động khác			
V	Chi phí thuế TNDN			
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm	525.002.000	603.933.900	497.060.800
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	484.675.000	555.730.000	497.060.800
2	Phân phối cho các quỹ	40.327.000	48.203.900	
3	Kinh phí cải cách tiền lương			

Nguồn kinh phí NSNN trong năm cơ bản được sử dụng đúng mục đích, các nội dung chi có chứng từ và các hồ sơ kèm theo. Tuy vậy, vẫn còn một số tồn tại, cụ thể:

- Một số chứng từ, hồ sơ thanh toán chưa đầy đủ theo quy định: chi tiếp khách các tỉnh đến công tác không có Công văn đề nghị phối hợp, không có dự trù kinh phí; Thanh toán chi phí hội nghị không có Giấy mời, danh sách đại biểu tham dự hội nghị...

- Hằng năm, Thanh tra sở đã thực hiện quyết toán thuế TNCN cho cán bộ, công chức theo quy định. Năm 2018, tính thiếu thuế TNCN phải nộp của 02 cá nhân với số tiền là **2.601.600 đồng**.

1.3. Tại Trung tâm Tư vấn kỹ thuật giao thông

Trung tâm Tư vấn Kỹ thuật giao thông (Trung tâm) là đơn vị trực thuộc Sở, được thành lập theo Quyết định số 2718/2003/QĐ.UB ngày 20/11/2003; kiện toàn lại tại các Quyết định số 3928/QĐ-UBND ngày 08/12/2009, số 3232/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Đơn vị áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ; sử dụng phần mềm kế toán DAS; Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh Hà Tĩnh; số TK 102010000507022. Hiện chi trả lương qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Tĩnh, số tài khoản 3700201003265.

- Việc thực hiện thu

Doanh thu năm 2018 là 6.802.569.339 đồng; năm 2019 là 4.163.555.000 đồng; năm 2020 là 8.146.870.000 đồng. Qua kiểm tra các hồ sơ liên quan đến việc phản ánh doanh thu được Trung tâm lưu giữ đầy đủ; các khoản tiền thanh toán khối lượng hoàn thành được phản ánh kịp thời vào sổ kế toán. Tuy vậy, Trung tâm chưa ghi nhận, phản ánh nguồn thu từ việc thực hiện dịch vụ sự nghiệp do Sở Giao thông vận tải thuê (bằng hình thức giao dự toán đầu năm) vào doanh thu như đối với hoạt động dịch vụ khác, năm 2018 là 380 triệu đồng, năm 2019 là 550 triệu đồng, năm 2020 là 51 triệu đồng. Đoàn thanh tra kiến nghị truy thu thuế TNDN và GTGT đối với doanh thu từ nguồn thu này trong ba năm 2018, 2019 và 2020, số tiền 98,342 triệu đồng.

- Việc quản lý, sử dụng các khoản thu

Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách kế toán các năm do Trung tâm cung cấp, Đoàn thanh tra nhận thấy, hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc phản ánh chi phí cơ bản phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tuy vậy, còn có các sai sót, cụ thể như sau:

+ Việc theo dõi một số công cụ dụng cụ có trị giá dưới 10 triệu đồng trên sổ tài sản cố định là chưa đúng quy định, kiến nghị Trung tâm thực hiện hạch toán và theo dõi các tài sản này vào chi phí.

+ Một số hồ sơ thanh toán chưa đảm bảo (thanh toán chi phí đi công tác không có quyết định cử đi công tác kèm theo, thanh toán chi phí dịch vụ không có hóa đơn thanh toán, thanh toán làm thêm giờ không có kế hoạch làm thêm giờ được lãnh đạo phê duyệt...).

2. Công tác quản lý đầu tư xây dựng

Trong các năm từ 2018 - 2020, Sở Giao thông vận tải được Tổng cục Đường bộ (thuộc Bộ Giao thông vận tải) Ủy thác quản lý thực hiện 38 công trình/gói thầu từ nguồn vốn bảo trì đường bộ, đường sông cho các công việc bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, khắc phục bão lụt với tổng mức đầu tư 327,114 tỷ đồng. Việc quản lý, tổ chức thực hiện 38 công trình/gói thầu trên được Sở Giao thông vận tải trực tiếp sử dụng bộ máy của Sở để quản lý, tổ chức thực hiện (bằng việc ban hành Quyết định kiêm nhiệm công tác quản lý dự án gồm 27 CBCC cơ quan⁽¹²⁾) và đến thời điểm thanh tra, nguồn kinh phí quản lý Ban Quản lý dự án kiêm nhiệm được hưởng là 4.050.843.000 đồng.

¹² Tại các Quyết định số 3987/QĐ-SGTVT ngày 31/12/2017 và QĐ số 3999/QĐ-SGTVT ngày 31/12/2019 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh.

Tại thời điểm Đoàn thanh tra, Thanh tra Bộ Giao thông vận tải đã thực hiện thanh tra và ban hành kết luận thanh tra 23/38 công trình/gói thầu do Sở quản lý⁽¹³⁾ từ nguồn vốn bảo trì đường bộ, đường sông nêu trên.

Đoàn thanh tra đã yêu cầu Sở cung cấp hồ sơ, tài liệu của 15 công trình/gói thầu còn lại để kiểm tra. Tuy vậy theo báo cáo của Sở Giao thông vận tải do hồ sơ các gói thầu tại thời điểm thanh tra thì Thanh tra Bộ Giao thông vận tải chưa trả (đang ở Hà Nội) và trong giai đoạn giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ nên chưa thể lấy hồ sơ về. Đồng thời Sở trả lời đây là việc quản lý nguồn vốn ủy thác của Bộ GTVT nên để kiểm tra 15 gói thầu này cần có văn bản của UBND tỉnh báo cáo Bộ GTVT. Cũng trong thời gian này, Tổng cục Đường bộ Việt Nam có Văn bản số 4931/TCĐBVN-KHĐT ngày 16/7/2021 về việc yêu cầu Sở báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019-2020, hồ sơ yêu cầu bao gồm cả các gói thầu Đoàn yêu cầu cung cấp. Do thời gian thanh tra có hạn và vì các lý do nêu trên, Đoàn Thanh tra không thể kiểm tra chi tiết các gói thầu còn lại, chỉ tiến hành kiểm tra việc chấp hành nộp thuế GTGT vãng lai của các đơn vị ngoại tỉnh. Sau khi kiểm tra đã phối hợp với Sở Giao thông vận tải yêu cầu, đơn đốc các đơn vị nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 2.890.648.254 đồng⁽¹⁴⁾ (Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm).

C. KẾT LUẬN

I. ƯU ĐIỂM

1. Về trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng

Giám đốc Sở Giao thông vận tải đã chủ động chỉ đạo triển khai tích cực, đồng bộ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao; tăng cường quản lý nhà nước về lĩnh vực giao thông vận tải, nâng cao hiệu quả hiệu lực thanh tra, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị chung của ngành.

Sở đã thực hiện tốt trách nhiệm trong việc quản lý nhà nước về công tác thanh tra: Quan tâm bố trí nguồn lực, kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ thanh tra; xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra đảm bảo quy trình, nội dung, thời gian theo pháp luật thanh tra quy định.

2. Về quản lý tài chính - ngân sách

Là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, nguồn kinh phí hằng năm chủ yếu được Ngân sách Nhà nước bảo đảm và một phần được để lại từ khoản thu phí, lệ phí theo quy định nên Sở GTVT đã chủ động bố trí kinh phí hợp lý phục vụ cho hoạt động chung của cơ quan, bảo đảm hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; thực hiện phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí theo kế hoạch được phê duyệt.

¹³ Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Kết luận thanh tra số 5126/KL-BGTVT ngày 03/6/2021

¹⁴ chưa kê số tiền: 546.450.564 đồng, do công ty cổ phần Thịnh Vương TVT đã nộp vào Chi cục thuế khu vực Hương Sơn, Đức Thọ sau khi làm việc với Đoàn thanh tra.

Công tác quản lý tài chính, quản lý tài sản được thực hiện tương đối tốt; công tác lập, phê duyệt dự toán, quyết toán tài chính hằng năm cho các đơn vị trực thuộc sau khi được Sở Tài chính phê duyệt được thực hiện tương đối đầy đủ, kịp thời.

Các đơn vị thụ hưởng ngân sách, đơn vị trực thuộc đã có nhiều cố gắng trong việc tiếp nhận, sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả; công tác tổ chức kế toán được bố trí phù hợp, chuyên nghiệp; sổ sách, hồ sơ, chứng từ kế toán cơ bản được mở, theo dõi, lưu lập đầy đủ, rõ ràng, chi tiết.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Về trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng

Việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng đã được Sở quan tâm, chỉ đạo thực hiện, tuy vậy qua thanh tra vẫn còn một số tồn tại, hạn chế (nêu cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm kết luận này).

2. Về quản lý tài chính - ngân sách

- Công tác quyết toán tài chính hằng năm còn chậm, việc thực hiện khắc phục các tồn tại khuyết điểm theo các Biên bản xét duyệt quyết toán hằng năm của Sở Tài chính thực hiện chưa kịp thời.

- Trong quản lý, sử dụng nguồn kinh phí, quản lý tài sản còn các tồn tại như: Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ chưa phù hợp với thực tế (hỗ trợ chi phí đi công tác tại Văn phòng sở), áp dụng một số văn bản pháp luật đã hết hiệu lực thi hành (tại Trung tâm Tư vấn kỹ thuật giao thông); một số hồ sơ thanh toán chưa đảm bảo về thủ tục và nội dung thanh toán.

- Tại Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Hà Tĩnh, quy định tiền phí sát hạch lái xe, cấp lại giấy phép lái xe là Lệ phí trái với Danh mục Phí, lệ phí theo Thông tư 188/2016/TT-BTC. Đề nghị Sở tham mưu UBND tỉnh sửa lại Quyết định trên.

3. Về công tác quản lý xây dựng

Sở Giao thông vận tải chưa chủ động phối hợp tốt với cơ quan thuế để thu hồi thuế giá trị gia tăng vĩnh viễn đối với các đơn vị ngoại tỉnh được quy định tại Quyết định số 85/2014/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về quy định một số nội dung về nộp thuế và trách nhiệm quản lý thu thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt, bán hàng vĩnh viễn ngoại tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Sở Giao thông vận tải hiện đang dùng bộ máy hành chính của cơ quan để kiêm nhiệm, trực tiếp quản lý, tổ chức thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn bảo trì đường bộ, đường sông cho các công việc bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, khắc phục bão lụt (trên 327 tỷ đồng). Tại thời điểm thanh tra nguồn kinh phí mà Ban Quản lý dự án kiêm nhiệm được hưởng là 4.050.843.000 đồng. Tuy vậy, qua kiểm tra công tác quản lý tài chính ngân sách thì 100% CBCC cơ quan đã có số giờ làm thêm đạt mức tối đa theo quy định (200 giờ/năm).

III. NGUYÊN NHÂN VỀ NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân khách quan

- Các chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác thanh tra; khiếu nại tố cáo; phòng chống tham nhũng; văn bản của Ngành Giao thông vận tải luôn có sự thay đổi, bổ sung, đòi hỏi yêu cầu cao việc cập nhật thường xuyên, tham mưu triển khai, thực hiện đúng và kịp thời, nhưng khả năng tham mưu của một số CBCC và viên chức có mặt còn hạn chế.

- Thanh tra sở tham mưu nhiều mảng hoạt động (lĩnh vực thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành; tiếp dân, tiếp nhận xử lý đơn thư, tham mưu giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền; thường trực, giúp việc Ban Chỉ đạo PCTN của Sở) nhưng số lượng, chất lượng CBCC chưa thật sự đảm bảo so với yêu cầu, chức năng nhiệm vụ được giao.

- Khối lượng công việc chuyên môn tại Sở ngày càng nhiều lại trực tiếp kiêm nhiệm thêm công tác quản lý, tổ chức thực hiện dự án (của Tổng cục Đường bộ ủy quyền) nên gặp rất nhiều khó khăn trong xử lý công việc chuyên môn được giao (vì số lượng biên chế được giao theo đề án vị trí việc làm thì có hạn).

2. Nguyên nhân chủ quan

Việc lãnh đạo, chỉ đạo của Giám đốc sở (Trưởng BCD phòng chống tham nhũng cơ quan) đối với việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, PCTN, thực hiện nhiệm vụ, công vụ có lúc, có nơi chưa thực sự sâu sát; việc tham mưu thực hiện của lãnh đạo phụ trách các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc chưa đầy đủ, kịp thời, có việc còn chưa đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

3. Trách nhiệm

Để xảy ra các tồn tại, hạn chế trên đây, trách nhiệm thuộc về tập thể lãnh đạo Sở Giao thông vận tải mà người đứng đầu là Giám đốc sở. Trách nhiệm trực tiếp thuộc về các Phó Giám đốc sở phụ trách các lĩnh vực chuyên môn được giao; Thủ trưởng, Kế toán các đơn vị trực thuộc; các cán bộ, công chức, viên chức được giao thực thi công vụ, nhiệm vụ trong việc tham mưu, tổ chức thực hiện về công tác quản lý, điều hành, sử dụng tài chính ngân sách và công tác quản lý, thực hiện bảo trì công trình.

D. KIẾN NGHỊ, XỬ LÝ

1. Kiến nghị

a) Đối với Sở Giao thông vận tải

- Về các văn bản chung

Đề nghị Sở tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng ban hành các văn bản, thường xuyên cập nhật đầy đủ các quy định mới, rà soát các văn bản đã ban hành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo quy định, đảm bảo tính pháp lý.

- Về công tác thanh tra

+ Thực hiện đảm bảo kế hoạch thanh tra hằng năm. Điều chỉnh kế hoạch thanh tra theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23/4/2014

của Thanh tra Chính phủ, các văn bản định hướng, hướng dẫn xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm của Bộ Giao thông vận tải, của Thanh tra tỉnh.

+ Tăng cường thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở (thanh tra hành chính); thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, KNTC, PCTN.

+ Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy định, chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thanh tra, giải quyết KNTC, PCTN. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về Luật Giao thông Đường bộ, Đường sắt, Đường thủy nội địa; thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng thanh tra, kiểm tra trong việc xử lý vi phạm hành chính.

+ Các đoàn thanh tra, kiểm tra thực hiện phải đảm bảo về trình tự thủ tục, hồ sơ và thực hiện xử lý vi phạm hành chính phải đảm bảo theo đúng quy định.

+ Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các kết luận xử lý sau thanh tra, kiểm tra. Có biện pháp xử lý đối với các tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ các kiến nghị khắc phục tồn tại, hạn chế sau thanh tra, kiểm tra. Chỉ đạo Thanh tra sở tăng cường các giải pháp chỉ đạo, khắc phục việc các đối tượng chậm chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Về công tác tiếp dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tăng cường tuyên truyền phổ biến, cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết KNTC. Tiếp tục duy trì nề nếp công tác tiếp dân, xử lý đơn thư, giải quyết KNTC, lưu lập đầy đủ, khoa học hồ sơ về lĩnh vực này.

- Về công tác phòng chống tham nhũng

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN; triển khai, quán triệt nghiêm túc, có hiệu quả các chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác PCTN, lãng phí; chú trọng công tác tự kiểm tra, phát hiện xử lý nghiêm minh các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp theo tinh thần Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Triển khai thực hiện cuộc vận động “CBCC, VC nói không với tiêu cực”.

+ Thực hiện đầy đủ việc công khai minh bạch các hoạt động của đơn vị, đặc biệt là việc cập nhật các quy định về dự toán, ngân sách, thực hiện công khai tài chính, công khai dự toán, quyết toán ngân sách theo quy định.... cập nhật các quy định pháp luật hiện hành để xây dựng các quy chế, định mức tiêu chuẩn theo đúng quy định pháp luật.

+ Tiếp tục phát huy hiệu quả việc phân công nhiệm vụ cho CBCC đảm bảo theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt; thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện đề án vị trí việc làm tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

+ Thường xuyên rà soát để xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ, đặc biệt là các vị trí đến hạn phải chuyển đổi tại Văn phòng sở và các đơn vị trực thuộc.

+ Thực hiện kê khai minh bạch tài sản thu nhập theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ và các văn bản bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh. Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện kê khai, niêm yết bản kê khai tại các đơn vị để đôn đốc nhắc nhở kịp thời. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho phòng chuyên môn, bộ phận thực hiện việc kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập theo đúng quy định (phân định rõ trách nhiệm thực hiện của Văn phòng sở, Thanh tra sở trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập).

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc việc xây dựng các quy chế, định mức tiêu chuẩn; công khai minh bạch các hoạt động của đơn vị, đặc biệt là công khai tài chính, tài sản; thực hiện đúng quy định về kê khai và công khai tài sản, thu nhập; chấp hành chế độ thông tin báo cáo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN theo quy định.

+ Quán triệt đầy đủ các chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và của Sở Giao thông vận tải về công tác thanh tra, giải quyết KNTC, PCTN. Đặc biệt là triển khai Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Văn bản số 20/UBND-NC ngày 30/01/2019 về xử lý tình trạng “Tham nhũng vặt” và các văn bản chỉ đạo của Sở về nội dung này.

+ Tăng cường các giải pháp phòng ngừa tham nhũng: Ban hành và triển khai thực hiện hiệu quả các quy định, quy chế định mức tiêu chuẩn; thực hiện đúng quy định việc kê khai; minh bạch kê khai tài sản thu nhập; bố trí viên chức theo đề án vị trí việc làm, thực hiện hợp đồng lao động; phối hợp thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo quy định

- Về công tác quản lý tài chính và đầu tư xây dựng

Chỉ đạo khắc phục các nội dung trong mục tồn tại, hạn chế đã nêu ở trên.

b) Kiến nghị với UBND tỉnh

- Căn cứ kết luận thanh tra, giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Thanh tra tỉnh; tiến hành kiểm điểm rút kinh nghiệm và có hình thức xử lý phù hợp hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền (nếu có) đối với các tổ chức, cá nhân về các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý TCNS và đầu tư xây dựng; cắt giảm, thu hồi, nộp NSNN kịp thời, triệt để các khoản xử lý về kinh tế theo kết luận thanh tra.

- Đối với mô hình quản lý các dự án bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa:

Hàng năm nguồn vốn dự án bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh rất lớn. Để tận dụng nguồn vốn này nhằm duy tu bảo dưỡng, sửa chữa và khắc phục các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đảm bảo

theo đúng các quy định pháp luật hiện hành về quản lý dự án, kính đề nghị UBND tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các sở, ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật hiện hành, khẩn trương tham mưu UBND tỉnh quyết định thành lập Ban Quản lý dự án riêng (hoặc giao nhiệm vụ quản lý dự án), để xử lý dứt điểm nội dung này trong năm 2021.

2. Xử lý về kinh tế

Yêu cầu Giám đốc Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Văn phòng sở và các phòng ban liên quan phối hợp đôn đốc thực hiện thu hồi, nộp NSNN và xử lý khác số tiền: 3.056,452 triệu đồng, bao gồm:

2.1. Đối với Sở Giao thông vận tải: Thu hồi 108.185.000 đồng, xử lý khác 57.169.000 đồng, cụ thể:

a) Đối với công tác quản lý TCNS tại Văn phòng sở, nộp NSNN: 7.243.000 đồng (truy thu thuế TNCN 07 cá nhân năm 2019).

b) Đối với công tác quản lý TCNS tại Thanh tra sở, nộp NSNN: 2.600.000 đồng (truy thu thuế TNCN 02 cá nhân năm 2018).

c) Đối với công tác quản lý TCNS tại Trung tâm Tư vấn kỹ thuật giao thông, nộp NSNN: 98.342.000 đồng (Truy thu tiền thuế GTGT và thuế TNDN).

d) Văn phòng Sở bố trí nguồn trả lại quỹ phúc lợi số tiền 57.619.000 đồng chi từ quỹ không đúng quy định.

2.2. Thuế vãng lai đối với doanh nghiệp ngoại tỉnh:

Sở Giao thông vận tải đôn đốc các đơn vị thi công ngoại tỉnh nộp thuế GTGT vãng lai 2.890,648 triệu đồng (*Có PL chi tiết kèm theo*).

Các khoản nộp vào NSNN thực hiện qua Tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh số tài khoản 3949.0.1049434 tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Tĩnh, trước ngày 15/10/2021.

Trên đây là Kết luận Thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; công tác quản lý, sử dụng kinh phí và đầu tư xây dựng tại Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh; yêu cầu Giám đốc sở và các tổ chức, cá nhân liên quan nghiêm túc thực hiện và báo cáo kết quả về Thanh tra tỉnh trước ngày 30/11/2021. Giao Phòng Nghiệp vụ 4, Thanh tra tỉnh phối hợp với Đoàn thanh tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- ĐUK các Cơ quan và DN tỉnh;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Nội vụ (PH);
- Lưu: VT, ĐTT.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Lê Toàn Thắng